

Bản án số: **41/2020/HS-PT**
Ngày: 21-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa.
Ông Trần Vĩnh Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 355/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo Võ Văn B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2019/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

1. Họ và tên: **Võ Văn B**, sinh năm 1991, nơi sinh: Nghệ An; Nơi cư trú: tổ A, khối A1, phường L, thành phố V, tỉnh N; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Q, sinh năm 1962 và bà Lê Ngọc A1, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2019. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trương Văn H (tên gọi khác: H Đen)**, sinh năm 1985, nơi sinh: Nghệ An; Nơi cư trú: khu phố A2, thị trấn B2, huyện B2, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn H1 (đã chết) và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1962; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H:* Luật sư Nguyễn Thế Kỷ - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Ngoài ra còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2018, Hà Văn T (thông qua Lê Trung K (H3 Què)), vay của Võ Văn B 01 số tiền để đánh bạc và hẹn 01 tuần trả nhưng sau đó chưa trả. Vào ngày 20/10/2018, B mượn xe ô tô hiệu Mazda 3 màu trắng (không rõ biển số) của K đi xuống khu vực thị trấn B2, huyện B2 gặp T để đòi tiền, nhưng T không trả mà còn thách thức và yêu cầu B gọi K đến gặp T để giải quyết. B gọi điện thoại nói lại sự việc cho Kbiết. Lúc này, K đang ở thành phố Biên Hòa, do biết T có băng nhóm đông người ở khu vực B2, sợ có thể bị nhóm người của T đánh nên K gọi điện thoại rủ Phạm Viết X, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Văn V1 cùng tham gia. Sau đó, X rủ Nguyễn Thanh Q và đối tượng tên H2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến khu vực thị trấn B2 giúp K thì tất cả đồng ý, H2 rủ thêm 01 số đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chuẩn bị hung khí và hẹn gặp nhau tại khu vực cổng Khu Công nghiệp Biên Hòa 2 để cùng đi đến khu vực thị trấn B2. Do Đ và Q1 có xe ô tô nên X nhờ Đ và Q1 chở xuống khu vực B2, Đ điều khiển xe ô tô biển số 60A-490.65 chở X, Q, H2 cùng 1 số đối tượng khác, khi đi X còn mang theo 01 khẩu súng ngắn để đề phòng trường hợp xảy ra xô xát với nhóm của T thì sử dụng, trên đường đi X đưa khẩu súng trên cho H2; Q1 điều khiển xe ô tô hiệu Kia Morning màu xám, biển số 60A-109.64 đến khu vực ngã 4 Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa cho 02 thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bỏ 01 bao hung khí gồm dao, mã tấu tự chế vào xe của mình và đi sau cùng, giữ khoảng cách xa đối với đoàn xe chở đồng bọn nhằm tránh cơ quan chức năng kiểm tra.

Sau khi nghe điện thoại của K, T đi đến khu vực trước Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai thì gặp 1 nhóm khoảng 6 người ngồi trên xe taxi loại 7 chỗ đón nói là “đi việc cho anh H3 (K)” và lên xe taxi đi cùng. Còn K điều khiển xe ô tô biển số 61A-461.90 chở đối tượng tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến tiệm hớt tóc “Trẻ” trên đường Phạm Văn Thuận, thành phố Biên Hòa đón V1. Do nhận thức được việc đi

đến khu vực thị trấn B2 có thể xảy ra đánh nhau nên V1 ra xe ô tô biển số 60A-290.72 lấy 01 khẩu súng ngắn mang theo đề phòng nếu xảy ra đánh nhau sẽ sử dụng, đồng thời V1 gọi điện thoại cho đối tượng tên T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi cùng để hỗ trợ và hẹn đón T2 tại Bệnh viện Đồng Nai, K nhìn thấy V1 cầm khẩu súng nên nói V1 “cất súng vào hộc cabin trước ghế ngồi bên lơ”. T2 đi xe taxi loại 4 chỗ cùng với 3 người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến điểm hẹn gặp V1 cùng đồng bọn ở trên xe taxi màu xanh, lúc này K điều khiển xe ô tô 61A-461.90 đi trước dẫn đầu, xe chở nhóm của T và xe chở nhóm của T2 theo sau đến khu vực cầu Sập thành phố Biên Hòa thì gặp nhóm của X, Đ, Q, Q1, H2 và 01 số đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rồi cả bọn đi theo xe ô tô do K điều khiển dẫn đầu cùng đi đến quán cà phê “L2” tại khu phố 3, thị trấn B2, huyện B2 gặp B cùng một số đối tượng đi cùng B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi tại quán, lúc này tại khu vực quán cà phê “L2” nhóm của K, B có khoảng 30 người ngồi trong quán, còn Q1 ngồi trên xe ô tô (xe có hung khí) đậu trước cửa quán, K gọi điện thoại cho T và hẹn T đến quán cà phê “L2” để giải quyết chuyện tiền bạc.

Do T phát hiện nhiều người đi cùng K, họ có thể mang theo hung khí và sợ bị đánh nên T đến nhà Đỗ Hoàng Đ1 (anh vợ của T) tại khu phố A2, thị trấn B2 thì gặp Đ1, Hà Văn B1 (em ruột T), Nguyễn Văn T3, Đỗ Phương N1 (N1 Nhóc) đang ngồi chơi tại nhà Đ1. T nói với Đ1 là “tụi Biên Hòa kéo xuống hẹn ra nói chuyện về việc tiền bạc, sẽ dẫn đến việc đánh nhau”, đồng thời T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H4 rủ H4, Đ1 đi cùng với T để giải quyết mâu thuẫn về tiền bạc với nhóm của K thì Đ1, H4 đồng ý. H4 rủ thêm Đặng Hải N2 (Nám) và Đ1 rủ Trương Văn H cùng tham gia. Khi đang ở nhà của Đ1, biết T có mâu thuẫn cần giải quyết với nhóm của K thì B1, T3, Đỗ Phương N1 (N1 Nhóc) cũng tham gia để giúp T. Đặng Hải N2 (Nám) vào trong nhà Đ1 lấy 01 con dao tự chế, T3 đi đến khu vực chuồng heo phía sau nhà Đ1 lấy 01 bao hung khí gồm dao tự chế, mã tấu tự chế, tuýp sắt mang theo đến khu vực sân patin bên cạnh Nhà văn hóa huyện B2, T3 để bao hung khí xuống dưới đất và cả bọn đứng chờ sự chỉ đạo của T để thực hiện. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/10/2018, H2 điều khiển xe mô tô hiệu wave màu xanh (không rõ biển số) chở H đến, T liên lạc với K biết nhóm K đang ngồi ở quán cà phê “L2”, nên bảo Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 60B7-374.62 chở T ngồi sau cầm 01 dao mã tấu tự chế dẫn đầu, B1, T3, Hung, Đỗ Phương N1, Đặng Hải N2, H, H2 nhặt hung khí ở dưới đất rồi điều khiển xe mô tô đi theo phía sau xe mô tô của Đ1 đang chở T cùng đi đến

quán cà phê L2 nơi K và đồng bọn đang ngồi. Khi T và Đ1 vừa đến khu vực trước quán cà phê L2, T đi vào quán thì nhóm của K phát hiện T cầm theo hung khí nên chạy ra xe ô tô của Q1 lấy hung khí và cầm chai, ly uống nước trong quán ném nhóm của T, còn K chạy ra xe ô tô của mình lấy khẩu súng mà V1 cất giấu trước đó nhưng K không biết cách sử dụng (chưa sử dụng). Hai bên cùng sử dụng dao, mã tấu, tuýp sắt đuôi đánh nhau trên đường, do nhóm T yếu thế nên bỏ chạy, B cùng 01 số đối tượng cầm dao tự chế và X cùng chạy bộ đuôi theo ném hung khí về phía nhóm của T nhưng không trúng ai. Hai nhóm đuổi nhau trên các đoạn đường xung quanh khu vực quán cà phê L2, gây náo loạn trên đường, khiến các hộ dân trong khu vực và người đi trên đường hoảng loạn, lo sợ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trong lúc 2 bên đuổi đánh nhau thì có 02 tiếng súng nổ (không rõ ai bắn, bắn ở vị trí nào) nên nhóm của T sợ và lên xe mô tô bỏ chạy, còn nhóm của K cũng lên xe ô tô chạy về khu vực thành phố Biên Hòa.

Đối với vật chứng thu giữ tại hiện trường: Thu giữ trong quá trình điều tra cũng như các phương tiện (xe các loại) các bị cáo sử dụng. Cơ quan điều tra đã phân loại và xử lý theo quy định pháp luật. Cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Ngày 08/7/2019 Cơ quan CSĐT đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Hà Văn B1 và Nguyễn Văn T3. Do bị can B1 và T3 đã bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT đã ra Lệnh truy nã, hết thời hạn điều tra đã tạm đình chỉ điều tra vụ án. Cơ quan CSĐT đang tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi đánh bạc của Hà Văn T, Lê Trung K, Võ Văn B tại địa bàn huyện Long Thành, thành phố Biên Hòa, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản đề nghị chuyển nguồn tin tội phạm cho Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa để xác minh, điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Lý Cao Q2, hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi của đối tượng H2, T2 cùng các đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch tham gia gây rối cùng nhóm của K, chưa có cơ sở xác minh nên chưa làm việc được, Cơ quan CSĐT tách ra, tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can nên tạm đình chỉ điều tra hành vi “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 173/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của TAND huyện Trảng Bom đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H; xử phạt: bị cáo Võ Văn B 02 (hai) năm tù, xử phạt bị cáo Trương Văn H 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo B tính từ ngày 09/5/2019; thời hạn tù của bị cáo H tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/10/2019, bị cáo Võ Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 30/10/2019, bị cáo Trương Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo B giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét. Bị cáo H thay đổi kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 28/10/2019, bị cáo Nguyễn Thanh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đến ngày 16/01/2020, bị cáo đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ vào Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, ngày 17/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thông báo việc rút kháng cáo của bị cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, đường lối xử lý vụ án đồng thời kết luận có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Võ Văn B, Trương Văn H đã có hành vi gây rối trật tự công cộng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo B mức án 02 năm tù và bị cáo H mức án 11 tháng tù là thỏa đáng và phù hợp, không nặng như kháng cáo của các bị cáo đã nêu. Bị cáo B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết đã được cấp sơ thẩm xem xét; Bị cáo H kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết nào đặc biệt để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H: Thống nhất với quan điểm và nhận định của Viện kiểm sát về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện ra đầu thú, tham gia vụ án với vai trò thứ yếu; tại cấp phúc thẩm, bị cáo H đã cung cấp thêm

những tình tiết giảm nhẹ mới là sơ khám bệnh và điều trị bệnh tâm thần, động kinh tại bệnh viện tâm thần, giấy xác nhận của địa phương bị cáo H thuộc gia đình khó khăn, đã tham gia phục vụ trong quân đội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo H được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do mâu thuẫn giữa bị cáo Lê Trung K, Võ Văn B và Hà Văn T về việc vay tiền “đánh bạc” không trả; Ngày 20/10/2018, Lê Trung K, Võ Văn B, đã rủ rê kéo nhiều người gồm các bị cáo (Phạm Viết X, Nguyễn Thanh Q1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Trọng Đ) đem theo hung khí gồm dao, mã tấu, tuýp sắt và súng đến thị trấn B2, huyện B2 để gây sự đánh nhau với nhóm bị cáo Hà Văn T (gồm các bị cáo Đỗ Hoàng Đ1, Nguyễn Văn H4, Đỗ Phương N1, Đặng Hải N2, Trương Văn H, Luyện Văn H5,...) tại khu vực quán cà phê “L2” thuộc khu phố 3, thị trấn B2, huyện B2, tỉnh Đồng Nai. Nhóm của bị cáo Lê Trung K đã có hành vi tập trung đông người, sử dụng hung khí gồm: dao, mã tấu, tuýp sắt, ly, chai các loại rượt, đuổi đánh nhau với nhóm của Hà Văn T. Các bị cáo đã cầm theo hung khí rượt đuổi nhau trên các đoạn đường xung quanh khu vực quán cà phê L2, trong lúc 2 nhóm đuổi đánh nhau còn có 02 tiếng súng nổ (chưa xác định được của nhóm nào) gây náo động trên đường và trật tự nơi đây. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các hộ dân trong khu vực mà còn gây hoang mang, lo lắng cho những người tham gia giao thông trên đường.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Võ Văn B, Trương Văn H và đồng phạm bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b “dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” khoản 2 Điều 318 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an xã hội tại địa phương gây hoang mang lo lắng cho người dân khu vực nơi đây. Chỉ vì mâu thuẫn

cá nhân mà các bị cáo đã rủ rê nhiều người (trên 30 người) chuẩn bị nhiều hung khí các loại như súng, dao, mã tấu để đánh nhau cho thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xem thường trật tự chung và xem thường pháp luật. Do đó, cần có mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho các bị cáo đề xử phạt bị cáo Võ Văn B 02 (hai) năm tù, bị cáo Trương Văn H 11 tháng tù là phù hợp vì đây là mức án thấp nhất của khung hình phạt, không nặng như đơn kháng cáo các bị cáo nêu.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Đối với bị cáo H cung cấp sổ khám bệnh tại bệnh viện tâm thần cho rằng bị cáo đã từng bị động kinh đang cần được tiếp tục điều trị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Nhưng như đã nhận định và phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xem thường trật tự chung và xem thường pháp luật, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là đã xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mức án này tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đồng thời ra lệnh bắt giam đối với bị cáo Trương Văn H để đảm bảo thi hành án.

Tại biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Võ Văn B tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội – Công an tỉnh Đồng Nai (BL 753) thể hiện bị cáo Võ Văn B bị bắt lúc 22 giờ 00 phút ngày 08/5/2019. Do đó, cần phải tính thời hạn tù của bị cáo kể từ thời điểm bị cáo bị bắt giữ theo hướng có lợi cho bị cáo là ngày 08/5/2019. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày bị cáo bị bắt giữ là ngày 09/5/2019 để tính thời hạn tù của bị cáo là chưa chính xác. Ngoài ra, đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, các bị cáo rủ rê đông người đem theo hung khí đánh nhau, rượt đuổi nhau tại quán cà phê “L2” nơi tập trung đông dân cư là nghiêm trọng. Cấp sơ thẩm lại nhận định cho rằng các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trong đó có bị cáo H) để áp dụng điểm i khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) đối với các bị cáo là không đúng và vi phạm. Tuy nhiên, do không có kháng nghị của Viện kiểm sát nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với những sai sót nêu trên.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị Võ Văn B, Trương Văn H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2019/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom;

[2] Áp dụng [điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015](#) (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn B 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019.

[3] Áp dụng [điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015](#) (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trương Văn H 11 (mười một) tháng tù**. [Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày tuyên án phúc thẩm \(21/02/2020\)](#).

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng các điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Trương Văn H sau khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Trảng Bom (2);
- VKSND H. Trảng Bom;
- Công an H. Trảng Bom;
- Chi cục THADS H. Trảng Bom;
- Phòng PV27 CA
tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương

